

DẤU ẤN VĂN HOÁ CHAMPA - DUYÊN HẢI NAM TRUNG BỘ VIỆT NAM - TRÊN ĐẤT THANH HOÁ

TS. HOÀNG MINH TƯỜNG*

Lịch sử nhân loại đã từng chứng minh, sự giao lưu và tiếp biến văn hoá để cùng tồn tại và phát triển là xu hướng tất yếu của mỗi quốc gia, dân tộc. Quá trình phát triển của văn hoá dân tộc Việt Nam nói chung và ở Thanh Hoá nói riêng cũng không nằm ngoài quy luật ấy. Trải qua các triều đại từ Đinh, tiền Lê, Lý, Trần, hậu Lê, Nguyễn... giao lưu, hội nhập giữa văn hoá Champa với văn hoá Việt trên đất Thanh Hoá đã in dấu ấn sâu đậm.

Trong lịch sử, xứ Thanh là quê hương của văn hoá Đông Sơn, nơi giao thương Nam Bắc và quốc tế bằng đường bộ và đường biển, các di chỉ khảo cổ học tại làng cổ Đông Sơn bên dòng sông Mã, thương cảng Lạch Trường, vùng biển Nghi Sơn... là minh chứng sinh động. Đất Ái Châu (Thanh Hoá xưa) ở vào vị trí phía Nam Thăng Long - vùng trăn biên, luôn có sự tiếp xúc với Chiêm Thành trong công cuộc bảo vệ vùng biên viễn của quốc gia Đại Việt. Đặc biệt, Thanh Hoá đất "tam vương, nhị chúa" với các cuộc "Nam tiến" của Lê Hoàn (năm 982), Lê Thánh Tông (1471), Nguyễn Hoàng (1611), "Bắc tiến" với phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn của quân Tây Sơn (1788)... ít nhiều văn hoá Chăm - duyên hải Nam Trung Bộ đã đồng hành với các vương triều này và lưu dấu ấn trên đất tỉnh Thanh ở nhiều phương diện: trong đời sống, phương thức sản xuất, canh tác, quan hệ và giao lưu văn hoá tộc người, di sản văn hoá vật thể, phi vật thể.

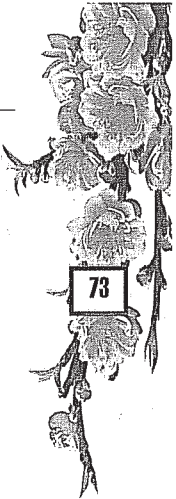
* *Sở Thông tin và Truyền thông Thanh Hoá*

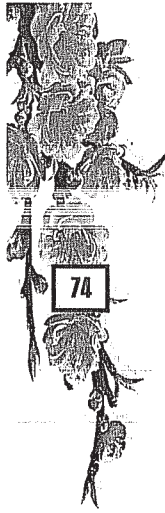
Theo diễn trình lịch sử của dân tộc, trong các cuộc trấn giữ biên giới, chống lại sự quấy nhiễu của Champa từ thời Lê Hoàn đến Lê Thánh Tông và sau mỗi lần dẹp yên Chiêm Thành, người Đại Việt đã đưa số tù binh bắt được về để sử dụng vào việc khai ấp, khẩn hoang.

Theo *Đại Việt sử kí toàn thư*, năm 979 vua Chăm là Arameshvaravarman I (Bê Mi Thuế) đã cử hạm đội tấn công Hoa Lư của Đại Việt nhưng đã bị thất bại sau một cơn bão. Năm 982, Lê Hoàn đã cử ba sứ thần sang Indrapura, sau khi các sứ thần bị giam giữ, vua Lê Hoàn đã quyết định đánh Champa. Trong cuộc bình Chiêm đó, Lê Hoàn đã "bắt sống được tướng sĩ không biết bao nhiêu mà kể" đưa về lập thành các làng tù binh người Chăm cho khai khẩn đất hoang.

Đến thế kỷ XV, cũng theo *Đại Việt sử kí toàn thư* cho biết: năm 1471, sau bốn ngày giao tranh, vua Chăm là Trà Toàn bị bắt sống và khi thuyền trở về Thăng Long, trong đám người ấy có ít nhất hơn 30.000 người Chăm bị bắt. Theo sách *Vĩnh Lộc huyện phong thổ chí lược* của Bùi Dương Lịch thì, chính Quận công Lê Thọ Vực (người huyện Vĩnh Lộc) đã đem tù binh Chiêm Thành về đây lập Sở Đồn điền và dựng nên nhiều làng xã mới quanh vùng.

Ở tỉnh Thanh, binh lính người Chăm do quan quân người Việt giám hộ để khẩn hoang sản xuất và được cấp đất làm ăn sinh sống ở các làng duyên hải như: Đồn Điền (Quảng Thái), làng Xuân Phương





(Quảng Châu), làng Du Vịnh (Quảng Vinh), làng Ngọc Giáp, Phú Xá, làng Đa Lộc... thuộc huyện Quảng Xương; vùng đồng bằng là làng Đại Khánh (Thiệu Khánh - Thiệu Hoá), Bồ Lô trang (xã Đông Thanh - Đông Sơn), làng Bồ Lô, làng Thiết Cương (Triệu Sơn), làng Diên Hy (xã Định Bình, Yên Định)...

Người Chăm thuộc nhân chủng Mã Lai đa đảo (Nam Đảo). Theo ghi chép về nhân chủng học, thì người Lâm Ấp có "mắt sâu, mũi thẳng và cao, tóc đen và xoăn". Với di vật bức tượng người quỳ đội đèn phát hiện trong ngôi mộ cổ ở Thung Thôn, Lạnh Trường (Hậu Lộc) có những đặc điểm giống với người Chăm. Người Bồ Lô - di duệ của người Chăm cổ đã từng cư trú ở Thanh Hoá và đã Việt hoá thành cư dân các làng biển: Bạch Câu (Nga Bạch, Nga Sơn), làng Nguyệt Chư, Ao Cách (Hải An, Tĩnh Gia) hoặc ở vùng đồng bằng, như người Bồ Lô ở Bồ Lô trang, thuộc làng Cổ Bôn, xã Đông Thanh, huyện Đông Sơn ngày nay. Về dòng họ, Thanh Hoá có dòng họ Lô ở Đông Sơn, vốn có gốc Chăm là họ Lô, đến nay, người dân ở đây vẫn duy trì tên họ này. Danh tướng Vũ Uy (Vô Uy) vị tướng khai quốc công thần thời hậu Lê gốc là người Chăm. Theo sách *Lam Sơn thực lục*, trước cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, ông ở làng Cao Mật (Vĩnh Thành, Vĩnh Lộc), "trước đi chăn voi ở đèo thành Trịnh Cao, vì thời vận không may, trốn về ở với vua...". Đền thờ ông hiện ở làng Ngọc Uyên (Tân Phúc, Nông Cống) và nhiều nơi khác.

Hôn nhân giữa người Việt với người Chăm cũng diễn ra. Năm 1307, vua Trần Thái Tông gả Huyền Trân công chúa cho Chế Mân (Jaya Simhavarman III), đổi lại, vua nước Chiêm Thành đã nhượng hai châu Ô, Lý ở phía Bắc cho Đại Việt làm của hồi môn để cưới công chúa nhà Trần. Lê Thần Tông (1607 - 1662) đã kết duyên với bà phi người Chăm, cho đến nay, tượng của bà vẫn được thờ với vua Lê Thần Tông và 4 bà phi ở di tích chùa Đại Bi, phường Đông Vệ, thành phố Thanh Hoá. Mỗi lương duyên ấy giữa quan quân Đại Việt với các nàng người Chăm còn lưu dấu tại đền Ngốc Cùn - địa bàn cư trú của người Mường (xã Cẩm Tú, Cẩm Thủy) và đền thờ làng Diên Hy (xã Định Hưng, Yên Định) phụng thờ các bà Chúa người Chăm.

Để sản xuất canh tác lúa trên vùng đất cát ven biển đạt năng suất cao, người Việt đã du nhập giống lúa Chăm (hoặc Chiêm) chịu hạn, thích nghi với điều kiện khắc nghiệt của thời tiết vùng đất cát, giống lúa này được nông dân vùng biển tỉnh Thanh và nhiều nơi vẫn còn sử dụng.

Người Chăm bao gồm hai bộ tộc chính là bộ tộc Dừa (Narikelavamsa) và Cau (Kramukavamsa). Bộ tộc Dừa sống ở Amaravati và Vijaya, bộ tộc Cau sống ở Kauthara và Pandaranga. Trên đất Thanh không có nơi nào nhiều dừa như Hoàng Hóa và nói đến dừa huyện này thì phải nói tới Hoàng Lộc, cả làng xã bát ngát một màu xanh của dừa, đến đâu cũng gặp dừa. Cau, dừa không phải là giống cây phổ biến của người Việt ở đất liền, mà có nguồn gốc của Mã Lai đa đảo. Phải chăng, giống cây này theo người Chăm đến với đôi bờ sông Mã, sông Chu, bèn rễ nơi miền đất mới thành những bãi mía ngút ngàn và những vườn cau, rặng dừa bốn mùa tươi tốt. Từ giống cây này đã hình thành nên những làng nghề buôn cau, buôn dừa, bán mía ở các huyện Nga Sơn, Hà Trung, Hoàng Hóa, Thọ Xuân, Vĩnh Lộc..., các làng chuyên kéo mật, làm nha, luyện chè lam... tạo nên hương vị riêng và nét văn hoá ẩm thực của các làng quê xứ Thanh.

Trong việc khai thác nguồn nước ngầm từ đồi gò cát hay núi thấp để lấy nước sinh hoạt và tưới cho cây trồng, người Việt cũng học được kinh nghiệm của người Chăm. Qua khảo sát một số giếng Chăm ở tỉnh Thanh, hầu hết các giếng đều được xây dựng theo 2 nhóm vật liệu chính là gạch và đá, giếng thường có kiểu dáng "miệng tròn, đáy vuông" và "miệng vuông, đáy vuông". Trong số đó, kiểu giếng "miệng vuông, đáy vuông" là chủ yếu, đây là kiểu dáng rất đặc trưng không lẫn với các giếng của người Việt xứ Thanh. Hình thức giếng "miệng tròn đáy vuông" được thấy ở giếng làng Thượng Phú, xã Hà Đông, huyện Hà Trung - giếng tự chảy tưới cho ruộng lúa. Những giếng thuộc mô típ "miệng vuông, đáy vuông" có nhiều ở xã đảo Nghi Sơn, (Tĩnh Gia), xã Hoàng Lộc (Hoàng Hóa) và "miệng vuông, đáy tròn" ở Vĩnh Thành (Vĩnh Lộc).

Giếng vuông làng Bột, Hoàng Lộc được xây bằng gạch mỏng, xếp chồng lên nhau, không có vữa, cách thức xây giếng như giếng Bá Lễ (Hội An).

Trong số 4 giếng Chăm ở xã đảo Nghi Sơn, thì giếng Cây Đa có kích thước lớn hơn cả. Giếng này được xây vào khoảng năm Mậu Thân (1788), khi vua Quang Trung từ Phú Xuân kéo quân ra Bắc, đã cho "thủy quân chở đẩy thuyền lương thuận gió giương buồm ra thẳng cửa biển, đến vùng Biện Sơn. Khi vua Quang Trung lập phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn, đã chọn địa điểm giữa hai hẻm núi, nơi kiến đùn đất lên nhiều để đào giếng, tìm ra nguồn nước ngọt. Giếng được xếp toàn bằng đá núi, dưới đáy lát 4 thớt ván dày bằng gỗ dàu. Loại gỗ ngâm lâu dưới nước không bị hoại mục. Các giếng kiểu Chăm ở đảo Biện Sơn không chỉ cung cấp nguồn nước mát lạnh cho cư dân đảo mà còn cung cấp nước cho các tàu thuyền vào Nam ra Bắc trên vùng biển này.

Với các giếng Chăm ở Thanh Hoá, có thể khẳng định rằng: chủ nhân của giếng nước là người Chăm (binh lính Chăm) hoặc của quan quân Đại Việt đã học được kinh nghiệm xây giếng của cư dân duyên hải Trung Bộ để có nguồn nước quý dâng trào từ đất, núi đá không bao giờ cạn, phục vụ nước sinh hoạt và tưới cho cây trồng.

Nếu kỹ thuật làm thuyền của người dân ven biển tỉnh Thanh trước kia chỉ là phương tiện bè mảng thô sơ để đánh cá gần bờ, thì người Chăm - Bồ Lô đem đến cho người xứ Thanh nghề đóng ghe bầu (ngư dân tỉnh Thanh gọi là thuyền mảnh), thuyền này có tải trọng hàng chục tấn giúp cho các thương nhân Ba Làng (Tĩnh Gia), Hoàng Phụ (Hoàng Hoá)... vượt sông biển, cưỡi sóng lớn chở muối mắm, hải sản ra Kinh Kỳ - Kẻ Chợ, Phố Hiến buôn bán và đổi lấy hàng hoá, vải vóc, lương thực. Những chiếc thuyền mảnh đó đã vươn ra khơi xa đánh bắt cá tôm, vận chuyển lương thực, hàng hoá cho chiến trường trong thời kỳ chống Pháp, chống Mỹ.

Nghề làm gốm làng Vồm (làng Đại Khánh, xã Thiệu Khánh, Thiệu Hoá vốn là nơi cư trú của các tù binh Chăm) với kỹ thuật làm gốm dùng dụng cụ bàn xoay, đốt bằng rơm, trấu (gắn với kỹ thuật gốm Bàu Trúc, Ninh Thuận). Điều đó cho thấy, khiếu thẩm mỹ và bàn tay tài hoa của nghệ nhân Việt - Chăm.

Tiếp xúc với văn hoá Chăm, nghề chế tác đá

của người Việt đã tạo nên những sản phẩm vừa có giá trị hữu dụng vừa có giá trị nghệ thuật cao. Làng Nhồi (còn gọi là làng An Hoạch), huyện Đông Sơn có nguồn gốc từ lâu đời với nhiều nghệ nhân chạm khắc đá tinh xảo. Năm 982, sau khi bình Chiêm, Lê Hoàn đã chiêu nạp tù binh Chăm, trong đó có nhiều nghệ nhân đục đá về vùng đất này. Điều đó đã đem đến cho làng An Hoạch kỹ thuật chế tác đá sa thạch Champa, kết hợp với kỹ thuật tạo tác đá xanh núi Nhồi xứ Thanh để tạo nên nghệ thuật điêu khắc đá đạt tới trình độ cao. Ảnh hưởng của nghệ thuật điêu khắc Chăm còn thể hiện tại bệ thờ Phật chùa Hoa Long tại thôn Trung, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc. Hình ảnh các thiếu nữ được tạc trên bệ thờ sôi động, tràn đầy sức sống với bộ ngực căng tròn, bắp đùi thon thả, trang phục mỏng, mềm mại thả dài xuống gót chân lượn lờ theo bước nhảy, hai chân khuyển ngang, một chân trụ vững, chân kia nhón gót như đang quay tròn theo nhịp quay của thân và tay, nếu bỏ đi lớp xiêm áo thì phù điêu này giống như các bức tượng vũ nữ Chăm các đền tháp cổ. Bệ thờ chùa Hoa Long thoáng gån gũi với kiểu dáng và họa tiết chạm khắc bệ thờ Trà Kiệu hiện trưng bày tại Bảo tàng Chăm - Đà Nẵng, có niên đại vào khoảng cuối thế kỷ X, giai đoạn phát triển đỉnh cao của điêu khắc Champa cùng với thời kỳ Lý và sau này là thời Trần của Đại Việt. Điều đó cho thấy, dòng chảy nghệ thuật Việt và Chăm hoà quyện vào nhau tạo nên sức sống mới qua bàn tay tài hoa, khiếu thẩm mỹ và sự sáng tạo của các nghệ nhân dân gian.

Về nghệ thuật tạo tác các bức tượng đá, bắt gặp tại đền thờ Lê Hoàn (làng Trung Lập, xã Xuân Lập, Thọ Xuân) có bức tượng đá vũ nữ Chăm (40cm x 23cm) lưu giữ tại Bảo tàng Tổng hợp tỉnh Thanh Hoá. Bệ đá chùa Nam (Đông Tân, Đông Sơn), ngay tại núi Nhồi chạm hình tượng chim thần Garuda tiêu biểu cho sức mạnh tinh thần và lòng ngưỡng vọng chân lý trong tư thế nâng đỡ bốn góc bệ hướng lên Phật đài, tương tự như điêu khắc bệ thờ Shiva trong thần điện của người Chăm. Hệ thống tượng tròn tạo thành quần thể tượng ở các đền, đài, lăng tẩm, các công trình kiến trúc bằng đá đạt giá trị mỹ thuật cao còn bắt gặp ở làng Nguyễn Nghi, làng Quận Mãn (Đông Sơn), tượng đá Đa Bút



(Vĩnh Lộc), làng Quận Châu (Tĩnh Gia), khu bái lãng Yên Ninh (Yên Định)... Nghệ thuật chạm khắc tòa hậu cung Bảng Môn đình cho thấy, yếu tố văn hóa Chăm thể hiện sống động trong một thể thống nhất với hình tượng quý mặt người, thân thú - hình tượng rất lạ đối với người Việt. Hay như bức chạm thủng tạc cảnh sư tử mang bộ vây cá sấu trong tư thế ngồi, công trên lưng là con hạc có cái cổ vươn dài... con sấu đá ở chùa Thông (Vĩnh Lộc), tượng võ sỹ, tượng phỗng quý ở di tích đá Đa Bút, đền Độc Cước, đình làng Xuân Phả, Cổ Bôn... đều ít nhiều mang dấu tích Chăm.

Tôn giáo, tín ngưỡng Champa đã theo đường biển du nhập vào xứ Thanh. Tại di tích đền Độc Cước - thị xã Sầm Sơn, trong đền thờ vị thần một chân này còn in đậm tục thờ vị tu sỹ Ny Kiều Đà, tức Đại Kỳ Na của vương quốc Champa với "phép tu đứng một chân, xoay theo hướng mặt trời" và thân tích có nét giống với thần sóng biển Pôkyaka. Cấu trúc đền thờ có sự tiếp thu cách xây đền tháp Champa. Đền được xây dựng trên hòn Cổ Giải (gò, núi thấp), quay về phía Đông đón dương khí, giống như các tháp Chăm được dựng trên những gò đất cao, cửa chính mở ra hướng Đông.

Có cùng ảnh hưởng của Ấn giáo và Phật đối với Champa và Đại Việt xưa, mặc dù ở Thanh Hoá chưa tìm thấy một bệ thờ Linga - Yoni nào hoàn chỉnh, nhưng những di vật Linga bằng gỗ ở di tích Lạch Trường (Hậu Lộc), hòn đá Âm - Dương ở đền Đồng Cổ, làng Đan Nê (Yên Định), hòn đá mang hình Linga ở chùa Mâu (Cẩm Vân, Cẩm Thủy), chùa Nam (Đông Tân, Đông Sơn) và các di tích ở Vĩnh Lộc, Hà Trung, Nga Sơn, Tĩnh Gia... có những hiện vật đá tựa hình Linga được người dân chiêm bái. Thực chất của tục này phần nào đồng nhất với tín ngưỡng phồn thực, với việc thờ sinh thực khí Linga - Yoni của người Chăm. Tục thờ cá voi và lễ hội cầu ngư tập trung ở các làng chài cửa sông thông ra biển: Bạch Cầu (Nga Sơn), Ngư Lộc - Đa Lộc (Hậu Lộc), Hoằng Trường - Hảng Hải (Hoằng Hoá), Cá Lập (Sầm Sơn), Quảng Nham (Quảng Xương), Hải Thanh (Tĩnh Gia)... có ảnh hưởng với tín ngưỡng thờ cá voi của cư dân duyên hải Nam Trung Bộ.

Trong việc chôn cất người chết với hình thức địa táng "thượng sàng hạ mộ" và thi hài người chết

quần trong mộ đá rất hiếm gặp ở Bắc Bộ. Ở Thanh Hoá, bắt gặp hình thức an táng này ở đình làng Bọt (Hoằng Hoá), thờ Tuyên Công - giúp vua Lý bình Chiêm; tướng quân Trần Khát Chân - đánh bại tướng Chăm là Chế Bồng Nga, mộ ở Đùn Sơn, Vĩnh Thành (Vĩnh Lộc); Trịnh Quốc Bảo - giúp vua Lý Thái Tông đánh tan giặc Chiêm Thành, an táng trong đình làng Triềng, Yên Ninh (Yên Định), cả ba vị tướng bình Chiêm này đều có hình thức địa táng có phần giống với phong tục của người Chăm Hồi giáo (thế kỷ X, các thương nhân Ả Rập đã mang tôn giáo và văn hoá đạo Hồi vào Champa). Thi hài không cải táng, kiêng đào mộ lên, trên đầu ngôi mộ đặt 2 phiến đá.

Năm 982, quân Đại Việt đã chiếm Indrapura và "mang về nước rất nhiều nhạc công và vũ công Chăm", chính những người này về sau có thể đã ảnh hưởng đến sự phát triển của nghệ thuật Đại Việt. Người Thanh Hoá xưa đã tiếp thu yếu tố âm nhạc Chăm và lời ca trong bài hát "đờ đư" - dân ca Thanh Hoá, một bài hát mà giai điệu giống như "xe chỉ luôn kim" của Quan họ Bắc Ninh, trong khi đó dân ca Quan họ với lời ca và âm nhạc ít nhiều có ảnh hưởng từ âm nhạc Nam Đảo. Việc sử dụng nhạc cụ: trống cơm, hồ, sênh, chiêng cũng có sự giao thoa giữa nhạc cụ Việt và Champa. Làn điệu hát "nhật trình đường biển" có trống Vả dêm (dạng trống Baranung) giống với hát Vải chài Nam Trung Bộ, diễn tả cuộc hành trình trên biển của các ngư dân từ Thanh Hoá vào miền Trung và ngược lại, ở làng Bạch Cầu (Nga Bạch, Nga Sơn)... có sự tiếp thu lối hát và nhạc cụ gỗ của người Chăm.

Nghệ thuật diễn xướng của văn hoá biển Nam Trung Bộ đã được Việt hoá, song, sắc thái văn hoá Chăm vẫn hiển hiện trong hệ thống trò hát múa Xuân Phả, Thọ Xuân. Trò Xiêm Thành (cách gọi khác về Chiêm Thành) diễn tả đoàn sứ thần nước Chiêm đến tiến cống vua nước Đại Việt. Trò diễn có các nhân vật: ông Chúa, Mế Nàng, Phỗng, các con trò... đều là từ bóng hình Chăm. Trò diễn này là ảnh xạ từ văn hoá cung đình đã được dân gian hoá cho đến ngày nay. Trò Thiếp (Đông Sơn) với nhân vật thầy bèo chữa bệnh ma gà cho một đứa bé Xiêm, ngoài ra còn có các nhân vật đầy tớ, ông thầy, với lời thoại "alaxi mắt nàng", "bớ quân Xiêm Thành kia"... đều

mang những địa danh và ngôn ngữ đặc trưng của người Chăm. Trong điệu múa chèo thuyền ở các làng: Viên Khê (Đông Sơn), Phúc Tiên (Hoàng Quy - Hoàng Hoá), Trờ Thủy (Đông Yên - Đông Sơn), chèo cạn - hát đũa linh trong đám tang ở làng Đồn Điền (Quảng Thái, Quảng Xương) với đạo cụ 16 mái chèo chia đều hai mạn và một sênh gõ... cho thấy, có một mạch nguồn văn hoá Chăm chảy không ngưng nghỉ từ bao đời nay trong các làng quê tỉnh Thanh.

Khảo sát và nghiên cứu phương ngữ ở một số địa phương, địa danh vùng miền trên địa bàn tỉnh cho thấy trong phương ngữ giao tiếp, sinh hoạt hàng ngày ở làng Kênh Thủy (xã Vinh Thịnh, huyện Vinh Lộc), một số làng thuộc xã Hà Đông, Hà Lĩnh (huyện Hà Trung)... có sự khác biệt trong phương ngữ các làng này với các làng cổ ở tỉnh Thanh. Về hiện tượng này, một số nhà ngôn ngữ học đã cho rằng, phương ngữ của người dân ở các làng trên rất gần với ngôn ngữ của người Chăm. Và, cũng chính những làng này là địa bàn cư trú của tù binh Chăm vào khoảng thế kỷ XIII - XV. Địa danh cửa Càn (xã Nga Tân, Nga Sơn) là tên gọi của người Chăm, nơi cư trú của cư dân chài lưới làm nghề đánh cá biển; cù lao Biện nay là xã đảo Nghi Sơn (Tĩnh Gia), vốn có tên gốc Chăm, gọi đảo là cù lao.

Từ đầu thế kỷ XX và phải kể đến sau năm 1975, khi đất nước Việt Nam thống nhất, không chỉ có giao lưu văn hoá mạnh mẽ mà còn mở ra sự hợp tác, phát triển toàn diện giữa duyên hải Nam Trung Bộ và Thanh Hoá - Bắc Trung Bộ. Ngư dân Quảng Nam, Bình Định, Phú Yên... coi ngư trường Thanh Hoá là nơi khai thác và tiêu thụ hải sản lý tưởng của họ. Những người dân biển Nam Trung Bộ (Quảng Ngãi) đã đem theo cả gia đình của họ cư trú nhiều tháng liền ở cửa biển Lạch Bạng (Tĩnh Gia), Lạch Hới (Sầm Sơn) trong cả vụ cá Nam và cá Bắc. Văn hoá tỉnh Thanh cũng mang đến cho Festival "con

đường di sản miền Trung" những màu sắc mới lạ và ngược lại, văn hoá duyên hải Nam Trung Bộ với tôn giáo tín ngưỡng, dân ca, âm nhạc và điệu múa Chăm lung linh kỳ ảo có sức lay động, làm say đắm lòng người tỉnh Thanh từ già tới trẻ.

Giao lưu, hội nhập văn hóa là quy luật tất yếu ở mọi thời kỳ lịch sử, mọi quốc gia, vùng lãnh thổ. Với các sự kiện lịch sử, qua những lần bình Chiêm bảo vệ miền biên viễn quốc gia Đại Việt, tất yếu diễn ra sự giao lưu, tiếp biến và tái tạo văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng giữa Việt và Chăm. Dấu ấn văn hoá Chăm - duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam trên đất Thanh Hoá đã phản ánh xu hướng tất yếu cần phải có sự trao đổi, tiếp thu văn hoá lẫn nhau để cùng tồn tại và phát triển. Trong quá trình giao lưu và hội nhập với bên ngoài, văn hoá bản địa vừa khẳng định được những giá trị trường tồn vốn có, đồng thời lại vừa tiếp thu được những yếu tố văn hoá mới từ bên ngoài mang tới, làm cho phong phú, mang tính hấp dẫn và giàu sức sống. Quy luật đó đã được ông cha ta đúc kết và truyền dạy cho các thế hệ hôm nay và mai sau. Trong bối cảnh phát triển, hội nhập với khu vực và quốc tế, cần phải tiếp thu, chọn lọc tinh hoa văn hoá thế giới, phát huy giá trị di sản văn hoá Việt Nam thống nhất trong đa dạng để xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. □

H.M.T

Tài liệu tham khảo:

- 1- Ban Nghiên cứu và biên soạn Lịch sử Thanh Hoá, *Lịch sử Thanh Hoá*, Nxb. Khoa học xã hội, 1994.
- 2- *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1,2,3, Nxb. Văn hoá Thông tin, 2003.
- 3- Lưu Công Đạo, *Vinh Lộc huyện chí*, Nxb. Thanh Hoá, 2010.
- 4- Tỉnh uỷ, UBND tỉnh Thanh Hoá, *Địa chí Thanh Hoá*, tập 2, Nxb. Khoa học xã hội, 2004.
- 5- Tư liệu điền dã của tác giả.

Hoàng Minh Tường: Some Remains of Champa Culture - Coastal Southern Central Vietnam - in Thanh Hóa Province

Not putting forward the issue of original land of Cham people, the author shows some historical events on Champa culture in the land of Thanh Hóa province with architecture heritage and specific objects. That is a background to reflect the cultural harmony of ethnic groups.

